

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA HÀ NỘI
KHOA DI SẢN VĂN HÓA**

**CÔNG TÁC GIÁO DỤC CHO THẾ HỆ TRẺ HỌC ĐƯỜNG Ở
BẢO TÀNG PHỤ NỮ VIỆT NAM**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
NGÀNH BẢO TÀNG HỌC**

Mã số: 52320305

Người hướng dẫn: **PGS.TS. NGUYỄN THỊ HUỆ**

Sinh viên thực hiện: ĐỒNG THỊ THANH HUYỀN

HÀ NỘI - 2013

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu.....	3
3. Mục đích nghiên cứu.....	4
4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu.....	4
5. Phương pháp nghiên cứu.....	5
6. Bố cục khóa luận.....	5

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ BẢO TÀNG PHỤ NỮ VIỆT NAM VÀ CHỨC NĂNG GIÁO DỤC CHO THẾ HỆ TRẺ HỌC ĐƯỜNG.....6

1.1. Một số khái niệm có liên quan.....	6
1.1.1. Khái niệm bảo tàng, giáo dục, thế hệ trẻ học đường.....	6
1.1.2. Các hình thức giáo dục mới và áp dụng kỹ thuật tiên tiến trong bảo tàng.....	12
1.1.3. Bảo tàng với chức năng giáo dục cho thế hệ trẻ học đường.....	16
1.2. Tổng quan về BTPNVN.....	17
1.2.1. Sự hình thành và phát triển của BTPNVN.....	17
1.2.2. Vai trò của BTPNVN trong việc giáo dục cho thế hệ trẻ học đường.....	24

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC CHO THẾ HỆ TRẺ HỌC ĐƯỜNG Ở BẢO TÀNG PHỤ NỮ VIỆT NAM.....27

2.1. Tổ chức trưng bày thường xuyên tại bảo tàng.....	27
2.2. Tổ chức trưng bày chuyên đề, triển lãm lưu động.....	31

2.3. Các hình thức giáo dục cho thế hệ trẻ học đường của BTPNVN.....	40
2.3.1. Hướng dẫn tham quan trưng bày, triển lãm.....	40
2.3.2. Thuyết trình, nói chuyện chuyên đề.....	44
2.3.3. Tổ chức các hoạt động của phòng khám phá.....	47
2.3.4. In ấn, xuất bản ấn phẩm	53
2.3.5. Tuyên truyền giới thiệu trưng bày bảo tàng trên các phương tiện thông tin đại chúng, website.....	54
2.3.6. Phối hợp tổ chức hoạt động của Câu lạc bộ chủ nhật vui.....	56
2.4. Tiến hành điều tra xã hội học đối với thế hệ trẻ học đường.....	57
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC GIÁO DỤC CHO THẾ HỆ TRẺ HỌC ĐƯỜNG Ở BẢO TÀNG PHỤ NỮ VIỆT NAM.....	61
3.1. Đẩy mạnh công tác sưu tầm, xây dựng sưu tập hiện vật của bảo tàng.....	61
3.2. Nâng cao chất lượng đào tạo và năng lực thực hành cho cán bộ giáo dục ..	63
3.3. Tiếp tục phát huy và áp dụng các hình thức mới trong công tác giáo dục cho thế hệ trẻ học đường.....	65
3.4. Tiếp tục liên kết với các trường học.....	69
3.5. Ứng dụng khoa học công nghệ mới trong công tác giáo dục.....	74
KẾT LUẬN.....	76
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	78
PHỤ LỤC	

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài.

Phụ nữ Việt Nam là một lực lượng cơ bản, là nhân tố phát triển của xã hội Việt Nam. Trải qua hàng nghìn năm dựng xây vì sự vẹn toàn lãnh thổ, đấu tranh chống thiên tai, duy trì nòi giống Lạc Việt, đã kiến tạo nên những đức tính mang bản sắc truyền thống dân tộc ở người phụ nữ Việt Nam. Xuyên suốt tiến trình hình thành và phát triển, phụ nữ luôn có quyền cũng như góp phần nhất định vào mọi thay đổi của xã hội vì nền hoà bình, thống nhất và văn minh nhân loại. Các thành tựu mang tính cách mạng văn hoá, tập tục, phần lớn làm thay đổi cách nhìn nhận từ mọi tầng lớp xã hội đối với người phụ nữ, được khẳng định phẩm chất và năng lực trong các lĩnh vực hoạt động kể cả những lĩnh vực phi truyền thống nhất. Người phụ nữ có vị thế, chỗ đứng cùng phát triển công bằng và ổn định với các tầng lớp nam giới.

Người phụ nữ Việt Nam bước ra từ các cuộc chiến tranh giải phóng của dân tộc, được nhân dân và nhà nước Việt Nam tôn vinh là những nữ anh hùng và những bà mẹ Việt Nam anh hùng, được Chủ tịch Hồ Chí Minh trao tặng 8 chữ vàng "Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang".

Nghị quyết số 04/NQ-TW của Bộ Chính trị ra ngày 27-7-1993 đã khẳng định: “Phụ nữ vừa là người công dân, người lao động, vừa là người mẹ và người thầy đầu tiên của con người”; “Phụ nữ có vai trò quan trọng trong xây dựng gia đình cần tạo điều kiện để phụ nữ kết hợp hài hòa giữa nghĩa vụ công dân và chức năng người mẹ trong việc xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc”.

Trong cuộc sống hôm nay, với sự hoạt động ngày càng mạnh mẽ và hiệu quả của tổ chức Hội Phụ nữ - nơi tập hợp sức mạnh và đoàn kết phụ nữ - ngoài

việc thực hiện thiên chức của mình đối với gia đình, người phụ nữ đang dần chủ động tạo lập cho mình thế bình đẳng trong so sánh với nam giới. Đây là một việc làm hoàn toàn chính đáng trong xu thế xã hội hiện đại văn minh, tiến bộ. Lại thêm một lần nữa, đối tượng luôn bị coi là phái yếu biết phát huy chính mình, dùng sức mình làm thay đổi hành vi và nhận thức của toàn xã hội. Và thực sự, người phụ nữ đã làm được điều này và giành chiến thắng nhất định trong nỗ lực không mệt mỏi. Người phụ nữ ngày nay đang làm dày thêm nền tảng truyền thống tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam và của cả dân tộc.

Là một bảo tàng Giới, Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam (BTPNVN) trực thuộc Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 09/CT ngày 10/01/1987 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Với diện tích trung bày gần 2.000m² và hệ thống kho lưu giữ hơn 25.000 tài liệu, hiện vật phản ánh những đóng góp của phụ nữ Việt Nam trong lịch sử và cuộc sống đương đại. Bảo tàng là trung tâm truyền thông kiến thức về lịch sử, văn hóa của phụ nữ Việt Nam cho công chúng. Đây cũng là nơi giao lưu văn hoá giữa phụ nữ Việt Nam và phụ nữ thế giới vì mục tiêu bình đẳng, hoà bình và phát triển. Mở cửa phục vụ công chúng từ 1995, Bảo tàng đã trưng bày thành công rất nhiều triển lãm phục vụ hàng triệu du khách trong và ngoài nước. Bảo tàng cũng đã thực hiện sứ mệnh nâng cao kiến thức về di sản văn hóa và cuộc sống đương đại của phụ nữ Việt Nam góp phần thúc đẩy mục tiêu bình đẳng giới.

Là sinh viên chuyên ngành bảo tàng học, em chọn đề tài “ ***Công tác giáo dục cho thế hệ trẻ học đường ở Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam***” làm khóa luận tốt nghiệp của mình. Em hy vọng rằng, kết quả của khóa luận sẽ là tài liệu tham khảo bổ ích cho BTPNVN nói riêng và những ai quan tâm đến công tác giáo dục tuyên truyền của bảo tàng nói chung.

2. Tình hình nghiên cứu.

Chức năng giáo dục của bảo tàng cũng như các hoạt động thực hiện chức năng giáo dục của từng bảo tàng đã được một số nhà khoa học, nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đi sâu nghiên cứu và công bố kết quả dưới dạng sách hoặc tham luận trình bày trong các hội thảo khoa học như:

Theo cuốn Bảo tàng giáo dục thế hệ trẻ của A.E.Xaynhenxki, nhà xuất bản giáo dục Matxcova(1998), đã nêu khái quát lịch sử phát triển của Bảo tàng Chính trị xã hội ở nhà trường Liên Xô (cũ), cách xây dựng bảo tàng ở các trường phổ thông và tổ chức hoạt động của chúng, tác giả cũng trình bày phương pháp sử dụng các tư liệu bảo tàng ở bậc phổ thông trong giờ học trên lớp và ngoại khóa.

Tổ chức văn hóa, khoa học và giáo dục của Liên Hiệp Quốc (UNESCO) đã tổ chức nhiều cuộc Hội thảo và công bố nhiều tài liệu đề cập đến vấn đề sử dụng hiện vật bảo tàng trong giáo dục thế hệ trẻ, như cuộc Hội thảo: “Bảo tàng, sức tưởng tượng và chức năng giáo dục” (Tài liệu dịch của Viện Bảo tàng lịch sử Việt Nam).

Tác giả M.Harrison trong tác phẩm “Vấn đề giáo dục và các Viện Bảo tàng”, đã nhấn mạnh vai trò của bảo tàng trong công tác giáo dục tại nhà trường, quy trình hình thành nhà bảo tàng ở các trường.

Công tác giáo dục thông qua bảo tàng: Định hướng, trọng tâm và triển vọng của tiến sĩ L.N Godunôva (tham luận khoa học - Kỷ yếu Hội thảo khoa học: “ Bảo tàng góp phần hoàn thiện nhân cách con người”), được tổ chức tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam năm 2004.

TS. Trịnh Thị Hòa (2004), Vài suy nghĩ về việc sử dụng tính đặc thù của bảo tàng để góp phần hoàn thiện nhân cách của con người (tham luận khoa học, sđd, năm 2004).

Bên cạnh các công trình nêu trên, cũng đã có một số khóa luận của sinh viên khoa Bảo tàng (nay là khoa Di sản Văn hóa) có nghiên cứu, đề cập đến hoạt động giáo dục của một số bảo tàng quốc gia, bảo tàng chuyên ngành, nhưng cho đến nay, chưa có khóa luận nào đề cập đến công tác giáo dục cho thế hệ trẻ học đường ở BTPNVN.

3. Mục đích nghiên cứu.

Nghiên cứu tổng quan về quá trình hình thành, phát triển của BTPNVN và nội dung trưng bày của bảo tàng.

Nghiên cứu vai trò của BTPNVN trong công tác giáo dục cho thế hệ trẻ học đường và những kết quả đạt được.

Đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác giáo dục, tuyên truyền cho thế hệ trẻ học đường của BTPNVN trong giai đoạn hiện nay.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu.

* Đối tượng nghiên cứu.

Nghiên cứu nội dung, hình thức giáo dục, chương trình giáo dục cho thế hệ trẻ học đường ở BTPNVN trong những năm gần đây.

*Phạm vi nghiên cứu.

Công tác giáo dục cho thế hệ trẻ học đường ở BTPNVN từ năm 2010 đến nay.

5. Phương pháp nghiên cứu.

Đề tài vận dụng phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về duy vật biện chứng, duy vật lịch sử và tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa và giáo dục.

Sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành: sử học, bảo tàng học, tâm lý học, giáo dục học.

Phương pháp khảo sát, điều tra xã hội học, tổng hợp, phân tích và đối chiếu.

6. Bố cục khóa luận.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung của khóa luận được chia thành ba chương.

Chương 1: Tổng quan về Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam và chức năng giáo dục cho thế hệ trẻ học đường.

Chương 2: Thực trạng công tác giáo dục cho thế hệ trẻ học đường ở Bảo tàng Phụ Nữ Việt Nam.

Chương 3: Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giáo dục cho thế hệ trẻ học đường ở Bảo tàng Phụ Nữ Việt Nam.

Danh mục tài liệu tham khảo.

1. Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam (2008), Kỹ vật còn mãi với thời gian, Nxb Phụ nữ.
2. Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam (2009), Hình tượng Phụ nữ Việt Nam trong tranh cổ động giai đoạn 1954 - 1975, Nxb Phụ nữ.
3. Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam (2010), 10 hiện vật hấp dẫn nhất trong trưng bày.
4. Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam (2011), Chuyện những bà mẹ đơn thân, Nxb Phụ nữ.
5. Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam (2012), Nữ chiến sĩ lái xe Trường Sơn, Nxb Thế Giới.
6. Bảo tàng với sự nghiệp Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (1998), Nxb Hà Nội.
7. Bộ Văn hóa - Thông tin, Cục Di sản Văn hóa (2005), Hội đồng quốc tế các bảo tàng Lịch sử và quy tắc đạo đức bảo tàng, Hà Nội.
8. Cẩm nang bảo tàng (2001), Bảo tàng Cách mạng Việt Nam dịch và xuất bản, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
9. Trịnh Thị Dịu (2004), Xây dựng tài liệu hiện vật về tục ăn trầu của người Việt tại Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Hà Nội.
10. Hồ Ngọc Đại (2000), Tâm lý học, dạy học, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
11. Phạm Minh Hạc (1997), Tâm lý học đại cương, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

12. Trịnh Thị Hòa (2011), Bảo tàng Cách mạng Việt Nam với việc truyền thống yêu nước, cách mạng cho thế hệ trẻ học đường. Luận văn Thạc sỹ Văn hóa học, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Hà Nội.
13. Hoạt động bảo tàng trong sự nghiệp đổi mới đất nước(10/2004), Hà Nội.
14. Hội đồng quốc tế các bảo tàng - Lịch sử và quy tắc đạo đức bảo tàng. Cục Di sản Văn hóa dịch và xuất bản. HN.2005
15. PGS.TS Nguyễn Thị Huệ (2002), Nghiên cứu nguồn sử liệu hiện vật bảo tàng, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
16. PGS.TS Nguyễn Thị Huệ (2005), Giáo trình Lịch sử sự nghiệp bảo tồn bảo tàng Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
17. PGS.TS Nguyễn Thị Huệ (2010), Cơ sở Bảo tàng học, Nxb ĐHQGHN.
18. PGS.TS Nguyễn Thị Huệ (2011), Giáo trình sưu tầm hiện vật bảo tàng, Nxb Lao động, Hà Nội.
19. Luật Di sản văn hóa năm 2001 sửa đổi bổ sung năm 2009 (2010), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
20. Hồ Chí Minh (1997), Về văn hóa và văn nghệ, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
21. Phan Ngọc (2002), Bản sắc văn hóa Việt Nam, Nxb Văn học.
22. Trần Thị Thanh Nhân (2010), Công tác giáo dục của bảo tàng (tiếp cận Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam), Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Hà Nội.
23. Vương Hoằng Quân (Chủ biên), (2008), Cơ sở bảo tàng học Trung Quốc, Cục Di sản Văn hóa dịch và xuất bản.

24. Quy chế tổ chức và hoạt động của bảo tàng (2010), Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch.
25. Sự nghiệp bảo tàng và những vấn đề cấp thiết, Tập 1, Tập 2, Tập 3(1996, 1997), BTCMVN xuất bản.
26. Văn Tân (Chủ biên) (1994), Từ điển Việt Nam, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
27. Nguyễn Thịnh (2011), Thiết kế trưng bày di sản – Lý thuyết và thực hành, Nxb Xây dựng, Hà Nội.
28. Timothy Ambrose và Crispin Paine, Cơ sở bảo tàng, BTCMVN dịch xb, HN.2000.
29. Phạm Viêt Vượng (2000), Giáo dục học, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
30. www.womenmuseum.org.vn